

Quantifiers

N	Lượng từ	Hướng dẫn sử dụng	Ví dụ
Đếm được	Many	Dùng trong câu phủ định và câu hỏi, hoặc câu khẳng định trang trọng.	How <b>many</b> chairs are there?
	Few	Dùng để chỉ một số lượng rất ít, mang nghĩa tiêu cực.	There are <b>few</b> students in the class.
	A few	Dùng để chỉ một số lượng nhỏ nhưng đủ, mang nghĩa tích cực.	<b>A few</b> books are on the shelf.
	Several	Dùng để chỉ một số lượng hơn hai nhưng không quá nhiều.	<b>Several</b> apples are in the basket.
	Each	Dùng để chỉ từng phần tử riêng lẻ trong một nhóm.	<b>Each</b> boy has a toy.
	Every	Dùng để chỉ tất cả các phần tử trong một nhóm.	<b>Every</b> student passed the exam.
	Both	Dùng để chỉ hai đối tượng hoặc người cùng lúc.	<b>Both</b> cars are expensive.
	Either	Dùng để chỉ một trong hai đối tượng hoặc người.	You can choose <b>either</b> pen.
	Neither	Dùng để chỉ không có đối tượng nào trong hai.	<b>Neither</b> answer is correct.
	A large number of	Dùng trong câu khẳng định để chỉ một số lượng lớn.	<b>A large number of</b> people attended the concert.
Không đếm được	Much	Dùng trong câu phủ định và câu hỏi.	There isn't <b>much</b> water in the jug.
	Little	Dùng để chỉ một số lượng rất ít, mang nghĩa tiêu cực.	There is <b>little</b> hope left.
	A little	Dùng để chỉ một số lượng nhỏ nhưng đủ, mang nghĩa tích cực.	There's <b>a little</b> sugar left.
	A bit	Dùng để chỉ một số lượng nhỏ không đáng kể, thường mang tính thân mật.	I need <b>a bit</b> of help.
	A great deal of	Dùng để chỉ một số lượng lớn.	He has <b>a great deal of</b> experience.
	Less	Dùng để so sánh một số lượng ít hơn của danh từ không đếm được.	She has <b>less</b> patience than her brother.
	Least	Dùng để chỉ số lượng ít nhất của danh từ không đếm được.	This requires the <b>least</b> effort
Cả 2 loại	Some	Dùng trong câu khẳng định hoặc câu hỏi khi đưa ra lời đề nghị hoặc yêu cầu.	I have <b>some</b> friends. / Can I have <b>some</b> water?
	Any	Dùng trong câu phủ định và câu hỏi.	Do you have <b>any</b> questions? / There isn't <b>any</b> milk.
	A lot of	Dùng trong câu khẳng định, phủ định, và câu hỏi.	She has <b>a lot of</b> friends. / We need <b>a lot of</b> money.
	Enough	Dùng để chỉ một lượng đủ.	We have <b>enough</b> chairs. / There isn't <b>enough</b> time.
	All	Dùng để chỉ toàn bộ hoặc tất cả các phần tử trong một nhóm.	<b>All</b> the cookies are gone. / <b>All</b> milk was spilled.
	More	Dùng để chỉ một số lượng thêm vào.	We need <b>more</b> chairs. / Can I have <b>more</b> juice?
	Most	Dùng để chỉ phần lớn trong tổng số.	<b>Most</b> students like sports. / <b>Most</b> water was clean.
	Less	Dùng để chỉ một số lượng ít hơn với danh từ không đếm được hoặc dùng cho số lượng ít hơn với danh từ đếm được khi nói về thời gian, tiền bạc, khoảng cách.	There is <b>less</b> sugar. / It costs <b>less</b> than \$10.
	Least	Dùng để chỉ số lượng ít nhất.	Of all the options, this requires the <b>least</b> resources.